

Số: 472 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 06 tháng 3 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt tên tiếng Anh và tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị định số 123/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ; Nghị định số 101/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt tên tiếng Anh và tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Các đơn vị có trách nhiệm sử dụng tên tiếng Anh và tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh được phê duyệt trong Quyết định này trong các giao dịch quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 499/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 3 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tên tiếng Anh và tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh của các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Ngoại giao, Nội vụ;
- Ban Cán sự Đảng, Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn TNCS HCM, Hội CCBCQ Bộ;
- Lưu: VT, HTQT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Công Thành

Phụ lục**TÊN TIẾNG ANH VÀ TÊN GIAO DỊCH VIẾT TẮT BẰNG TIẾNG ANH
CỦA CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng 3
năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Stt	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh đầy đủ (viết tắt)
1.	Vụ Hợp tác quốc tế	The Department of International Cooperation (ICD)
2.	Vụ Kế hoạch - Tài chính	The Department of Planning - Finance (DOPF)
3.	Vụ Khoa học và Công nghệ	The Department of Science and Technology (DOST)
4.	Vụ Pháp chế	The Department of Legal Affairs (DLA)
5.	Vụ Tổ chức cán bộ	The Department of Organisation and Personnel (DOP)
6.	Vụ Đất đai	The Department of Land (DOL)
7.	Vụ Môi trường	The Department of Environment (DOE)
8.	Thanh tra Bộ	The Ministry Inspectorate
9.	Văn phòng Bộ	The Ministry Office
10.	Tổng cục Khí tượng Thủy văn	The Viet Nam Meteorological and Hydrological Administration (VNMHA)
11.	Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học	The Nature and Biodiversity Conservation Agency (NBCA)
12.	Cục Biển và Hải đảo Việt Nam	The Viet Nam Agency of Seas and Islands (VASI)
13.	Cục Biến đổi khí hậu	The Department of Climate Change (DCC)
14.	Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường	The Department of Digital Transformation and Data for Natural Resources and Environment (DINRE)
15.	Cục Đăng ký và Dữ liệu thông tin	The Department of Land Registration

Stt	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh đầy đủ (viết tắt)
	đất đai	and Information Database (DOLRID)
16.	Cục Địa chất Việt Nam	The Viet Nam Geological Department (VGD)
17.	Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam	The Department of Survey, Mapping and GeoInformation of Viet Nam (DOSMVN)
18.	Cục Khoáng sản Việt Nam	The Department of Mineral Resources of Viet Nam (DMRV)
19.	Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường	The Pollution Control Department (PCD)
20.	Cục Quản lý tài nguyên nước	The Department of Water Resources Management (DWRM)
21.	Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất	The Department of Land Resources Planning and Development (DLRPD)
22.	Cục Viễn thám quốc gia	The National Remote Sensing Department (NRSD)
23.	Viện Chiến lược, Chính sách tài nguyên và môi trường	The Institute of Strategy and Policy on Natural Resources and Environment (ISPONRE)
24.	Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản	The Viet Nam Institute of Geosciences and Mineral Resources (VIGMR)
25.	Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ	The Viet Nam Institute of Surveying and Mapping (VISAM)
26.	Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu	The Viet Nam Institute of Meteorology, Hydrology and Climate Change (IMHEN)
27.	Viện Khoa học tài nguyên nước	The Water Resources Institute (WRI)
28.	Báo Tài nguyên và Môi trường	The Natural Resources and Environment Newspaper (NRE Newspaper)
29.	Tạp chí Tài nguyên và Môi trường	The Natural Resources and Environment Magazine (NRE Magazine)
30.	Trung tâm Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước quốc gia	The National Centre for Water Resources Planning and Investigation

Stt	Tên tiếng Việt	Tên tiếng Anh đầy đủ (viết tắt)
		(NAWAPI)
31.	Trung tâm Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	The Nursing and Rehabilitation Centre (NRC)
32.	Trung tâm Truyền thông Tài nguyên và Môi trường	The Centre for Natural Resources and Environment Communication (CNREC)
33.	Trường Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tài nguyên và môi trường	The Institute of Natural Resources and Environment Training (InNET)
34.	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội	The Ha Noi University for Natural Resources and Environment (HUNRE)
35.	Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh	The Ho Chi Minh City University for Natural Resources and Environment (HCMUNRE)
36.	Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam	The Viet Nam Environment Protection Fund (VEPF)
37.	Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia	The Office of the National Council for Evaluation of Mineral Reserves
38.	Văn phòng Thường trực Ủy ban sông Mê Công Việt Nam	The Viet Nam National Mekong Committee Standing Office (VNMCS)
39.	Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường Việt Nam	The Viet Nam Natural Resources and Environment Corporation (VINANREN)
40.	Công ty TNHH MTV Tài nguyên và Môi trường miền Nam	The Southern Natural Resources and Environment Company Limited (SNRE)
41.	Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam	The One Member Company Limited Viet Nam Publising House of Natural Resources - Environment and Cartography (NARENCA)
42.	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng	The Project Management Unit of Ministry of Natural Resources and Environment (PMU-MONRE)
43.	Văn phòng Đảng - Đoàn thể	The Office for Party and Union Affairs (OPU)

Tên tiếng Anh và tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh của Bộ Tài nguyên và Môi trường là: The Ministry of Natural Resources and Environment (MONRE).